

**BÀN VỀ QUY ĐỊNH DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM KHÔNG PHẢI TRẢ TIỀN
BẢO HIỂM TRONG TRƯỜNG HỢP NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM CHẾT DO
BỊ THI HÀNH ÁN TỬ HÌNH**

PHAN QUỐC TUẤN*

Ngày nhận bài: 23/07/2022

Ngày phản biện: 30/07/2022

Ngày đăng bài: 30/09/2022

Tóm tắt: Bài viết này đề cập đến quy định của pháp luật về việc doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền hay không phải trả tiền bảo hiểm cho những trường hợp người được bảo hiểm tử vong. Trong hầu hết các trường hợp, hợp đồng bảo hiểm đều quy định loại trừ trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng bảo hiểm, khi người được bảo hiểm vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, với một góc nhìn khác, tác giả đưa ra quan điểm, phân tích và kiến nghị nên xem xét từng trường hợp cụ thể để tránh thiệt thòi cho các chủ thể khác trong hợp đồng bảo hiểm.

Từ khóa: Hợp đồng bảo hiểm, điều khoản loại trừ, người được bảo hiểm chết.

Abstract: This article refers to the legal provisions on whether the insurance company must pay or not pay the sum assured in the event of the death of the insured. In most cases, insurance policies exclude payment of money to the beneficiary, when the insured violates the law. However, with a different perspective, the author gives views, analyzes and recommendations to consider case by case specifically to avoid disadvantages for other subjects in the insurance contract.

Keywords: Insurance contracts, exclusions, the insured be death.

1. Đặt vấn đề

Thị trường bảo hiểm Việt Nam đã có gần 30 năm hình thành và phát triển kể từ khi nghị định 100/1993/ND-CP, ngày 18 tháng 12 năm 1993 của Chính phủ quy định về kinh doanh bảo hiểm được ban hành, nhưng “tỷ lệ người tham gia bảo hiểm nhân thọ chỉ khoảng 9% dân số với khoảng 13 triệu hợp đồng và bảo hiểm sức khỏe khoảng 20% dân số”.¹ Tỷ lệ này còn rất thấp, “tại các quốc gia phát triển như Mỹ, Anh và Nhật Bản tỷ lệ tham gia bảo hiểm nhân thọ lên đến 90%. Một số nước trong khu vực Đông Nam Á:

* ThS., Công ty CP Viện phát triển nguồn nhân lực bảo hiểm; Email: pq.tuan@hdi.edu.vn.

• Ghi chú: Tải bài viết toàn văn tại địa chỉ: <http://tapchi.hul.edu.vn>.

¹ Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam, *Tổng quan thị trường bảo hiểm năm 2021*, <https://www.iav.vn/tieu-diem-thang/153948-tong-quan-thi-truong-bao-hiem-viet-nam-nam-2021>, truy cập ngày 21/2/2022.

Singapore là 80% và Malaysia là 50% dân số tham gia bảo hiểm nhân thọ”² Qua thực tiễn, tác giả thấy rằng việc người dân Việt Nam tham gia bảo hiểm con người còn thấp là do sự phức tạp của các điều khoản trong hợp đồng bảo hiểm. Họ nhận thấy rằng khi sự kiện bảo hiểm xảy ra có rất nhiều điều khoản loại trừ, làm cho họ không nhận được số tiền như mong muốn. Trong một hợp đồng bảo hiểm, điều bên mua quan tâm nhất là sẽ được bảo hiểm trong trường hợp nào và những trường hợp nào bị loại trừ bảo hiểm. Một hợp đồng bảo hiểm sẽ hấp dẫn bên mua nhiều hơn khi phạm vi bảo hiểm rộng, điều khoản loại trừ ít và ngược lại. Muốn thúc đẩy thị trường loại hình bảo hiểm này, ngoài sự cố gắng của các doanh nghiệp bảo hiểm thì hệ thống pháp luật cũng cần có những thay đổi đột phá, làm đòn bẩy cho thị trường phát triển. Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi) đang được Quốc hội xem xét cho ý kiến và thông qua trong năm 2022, cần tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển sản phẩm theo hướng mở rộng phạm vi bảo hiểm và thu hẹp các loại trừ, nhằm thu hút người tiêu dùng. Có như vậy thì thị trường đầy tiềm năng này mới nhanh chóng phát triển.

2. Cơ sở lý luận về phạm vi bảo hiểm và loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm trong bảo hiểm con người

Phạm vi bảo hiểm và loại trừ trách nhiệm bảo hiểm là những điều khoản cơ bản của hợp đồng bảo hiểm, nhất là điều khoản loại trừ - là điều khoản không thể thiếu trong mọi hợp đồng bảo hiểm nói chung và hợp đồng bảo hiểm con người nói riêng. Sự cần thiết của điều khoản này xuất phát từ một thực tế: *có rất nhiều loại rủi ro, chi phí có thể ảnh hưởng đến sự an toàn của đối tượng bảo hiểm, nhưng những yêu cầu về kỹ thuật và pháp lý chỉ cho phép các nhà bảo hiểm chấp nhận bảo hiểm trong một số trường hợp - những rủi ro có thể được bảo hiểm (insurable risk)*³. Rủi ro có thể được bảo hiểm hay không được bảo hiểm được xác định dựa trên sự đánh giá về mức độ rủi ro; nguyên nhân rủi ro và các nhân tố ảnh hưởng.

Mức độ rủi ro cao hay thấp được định lượng bằng xác suất rủi ro và mức độ nghiêm trọng của hậu quả.

- Xác suất rủi ro trong từng tình huống được tính toán cụ thể nhờ vào luật số lớn, vào phép tính xác suất. Có thể phân chia thành ba loại: biến cố chắc chắn, biến cố không thể xảy ra và biến cố ngẫu nhiên.

- Mức độ nghiêm trọng của hậu quả trong từng tình huống cụ thể sẽ phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: đặc tính của loại rủi ro; tổn thất tối đa ước tính ... thường được dùng để đo mức độ nghiêm trọng của rủi ro trong kỹ thuật bảo hiểm.

² Tỷ Lệ Tham Gia Bảo Hiểm Nhân Thọ Khác Biệt Giữa Các Quốc Gia Xu Hướng Mới, <https://bcvietnam.com/kien-thuc-bao-hiem/kien-thuc-bao-hiem-nhan-tho/328-tham-gia-bao-hiem-nhan-tho.html>, truy cập ngày 21/2/2022.

³ Học viện tài chính (2005), *Giáo trình lý thuyết bảo hiểm*, NXB Tài chính, Hà Nội, tr 56.

Về nguyên nhân, có những rủi ro có nguồn gốc khách quan từ phía tự nhiên (thiên tai) hoặc những rủi ro gắn với hoạt động của xã hội loài người nói chung (khủng bố, chiến tranh...) hoặc những rủi ro từ hoạt động, hành động cố ý và không cố ý của một cá nhân, một nhóm người xác định (tai nạn giao thông) và không ít các trường hợp rủi ro xảy ra là kết quả của một tổ hợp các nguyên nhân khách quan, chủ quan, cố ý, vô ý. Quan hệ nhân quả giữa nguyên nhân và mức độ rủi ro trong từng trường hợp bị chi phối bởi các nhân tố ảnh hưởng.

Các nhân tố ảnh hưởng được chia thành hai loại cơ bản: “nguy cơ vật chất” và “nguy cơ tinh thần”.

- Nguy cơ vật chất liên quan tới những khía cạnh vật chất ảnh hưởng đến mức độ rủi ro. Ví dụ: một người bị tai nạn bất ngờ ngoài ý muốn, tử vong do thiên tai,...

- Nguy cơ tinh thần là những trạng thái tinh thần của con người có thể ảnh hưởng tới mức độ rủi ro. Thông thường, nguy cơ tinh thần liên quan tới thái độ, cách cư xử của người được bảo hiểm. Sự lơ là trong việc bảo vệ bản thân, tâm lý ỷ lại; hành vi gian lận, ý đồ trục lợi sẽ làm tăng mức độ rủi ro.

Trên cơ sở đánh giá rủi ro, kết luận về rủi ro có thể được bảo hiểm thường được xem xét căn cứ vào một số tiêu chí sau:

Thứ nhất, là biến cố ngẫu nhiên. Việc xảy ra rủi ro và hậu quả không phụ thuộc vào sự mong muốn của người tham gia bảo hiểm, người được bảo hiểm cũng như người thụ hưởng bảo hiểm. Tính ngẫu nhiên liên quan tới sự không chắc chắn về khả năng xảy ra và thời điểm xảy ra. *Đối với bảo hiểm nhân thọ thì có trường hợp bảo hiểm cho một sự cố chắc chắn, nhưng lại không chắc chắn về thời điểm xảy ra. Đó là hợp đồng bảo hiểm nhân thọ trọn đời, bảo hiểm cho sự cố chết của người được bảo hiểm⁴*. Ngoài ra, sự cố tử vong không là ngẫu nhiên đối với người được bảo hiểm vẫn có thể được bảo hiểm khi hợp đồng bảo hiểm đã có hiệu lực được một khoảng thời gian nhất định (thường là từ hai năm trở lên). Điều này xuất phát từ đặc tính của bảo hiểm nhân thọ, không chỉ chuyển giao rủi ro đơn thuần mà còn nhằm đáp ứng các nhu cầu khác như là tích lũy tài chính, đầu tư của khách hàng. Căn cứ vào tiêu chí ngẫu nhiên, những rủi ro khách quan từ tự nhiên, từ hoạt động của xã hội loài người, những rủi ro có nguyên nhân từ hoạt động của cá nhân, tổ chức khác gây nên cho người được bảo hiểm đa số là những rủi ro có thể được bảo hiểm. Đối với rủi ro do chính hoạt động, hành động của bên được bảo hiểm gây ra, cần phân biệt dạng cố ý và không cố ý - trường hợp cố ý đã không còn là ngẫu nhiên đối với bên được bảo hiểm nên thông thường không được bảo hiểm. Trường hợp không cố ý, có thể được bảo hiểm. Luật pháp Việt Nam quy định “doanh nghiệp bảo hiểm không được từ chối bồi

⁴ Học viện tài chính (2005), *Giáo trình lý thuyết bảo hiểm*, NXB Tài chính, Hà Nội, tr.58

thường hoặc trả tiền bảo hiểm nếu người được bảo hiểm vi phạm pháp luật do vô ý”⁵. Nhưng nhìn chung, các nguyên nhân không cố ý, nếu kèm theo yếu tố mắc lỗi nặng và đủ khả năng nhận thức được tính chất nguy hiểm trong hành động gây ra cũng có thể sẽ bị loại trừ. Những biến cố có hậu quả hàng loạt trên phạm vi rộng như dịch bệnh, khủng hoảng chính trị... việc bảo hiểm cũng rất hạn chế.

Thứ hai, lượng hóa được về mặt tài chính. Cam kết của bảo hiểm cốt yếu là về mặt tài chính - một khoản tiền trả bảo hiểm khi xảy ra rủi ro. Vì vậy, các nhà bảo hiểm cũng chỉ bảo hiểm được cho những trường hợp, những loại hậu quả lượng hóa được về mặt tài chính. Trong bảo hiểm con người, việc lượng hoá về mặt tài chính rất tương đối thông qua những quy định chủ quan của con người.

Thứ ba, không trái pháp luật và lợi ích công cộng. Quan hệ bảo hiểm được điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật. Luật pháp về bảo hiểm của các quốc gia thường đưa ra quy định không cho phép bảo hiểm đối với một số trường hợp. Sự cấm đoán ở các nước không hẳn là giống nhau, nhưng nhìn chung đều dựa trên nguyên tắc cơ bản là hợp đồng bảo hiểm không được đi ngược lại luật pháp của nhà nước, lợi ích chung của xã hội. Không thể trái với những chuẩn mực về đạo đức và lẽ phải đã được xã hội thừa nhận. *“Không một quốc gia nào lại cho phép bảo hiểm sự cố tử vong của người đang mắc bệnh tâm thần hoặc cho phép một người mua bảo hiểm cho trách nhiệm hình sự của mình”⁶*. Tuy vậy, trách nhiệm dân sự thì được bảo hiểm. Như đã nói ở trên, do hệ thống luật pháp các nước khác nhau nên quy định về điều cấm cũng khác nhau. Ngoài ra, quan điểm về “lợi ích công cộng” hay “lẽ phải” cũng không hẳn là giống nhau ở các quốc gia. Sự tương đối này khiến cho các loại rủi ro có thể được bảo hiểm cũng có thể thay đổi theo quy định của con người, theo thời gian. *Những cái ngày hôm nay không bảo hiểm được, rất có thể sẽ được bảo hiểm trong tương lai, hoặc có những rủi ro không được bảo hiểm ở quốc gia này lại có thể được bảo hiểm ở quốc gia khác. Ví dụ, trong khi bảo hiểm cho số tiền chuộc trong trường hợp bị bắt cóc bị cấm ở nước Pháp thì người Pháp lại có thể mua loại bảo hiểm này ở nước Anh.⁷*

Ngay cả khi một rủi ro không được bảo hiểm, tức rủi ro bị loại trừ, thì cũng có hai dạng, đó là loại trừ tuyệt đối (không bao giờ được chấp nhận bảo hiểm) hoặc loại trừ tương đối (có thể được bảo hiểm với điều kiện đặc biệt). Ví dụ như hành động tử tử của người được bảo hiểm chỉ bị loại trừ trong khoảng thời gian đầu của hợp đồng (thông thường là trong hai năm đầu). Đó là một sự linh hoạt cần thiết trong thiết kế sản phẩm bảo hiểm nhằm đáp ứng các nhu cầu bảo hiểm đa dạng của xã hội. Rõ ràng không phải tất cả các rủi ro có thể được bảo hiểm đều phải được doanh nghiệp bảo hiểm đưa vào phạm vi bảo hiểm.

⁵ Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010) (61/2010/QH12), Điều 16.

⁶ Học viện tài chính (2005), *Giáo trình lý thuyết bảo hiểm*, NXB Tài chính, Hà Nội, tr. 61

⁷ David Bland (1998), *Insurance principles and Practice*, Nxb Tài Chính, Hà Nội, tr. 245.

Phạm vi bảo hiểm rộng hay hẹp; loại trừ ít hay nhiều còn phụ thuộc vào nhiều vấn đề khác mà doanh nghiệp bảo hiểm cần phải xem xét khi thiết kế sản phẩm bảo hiểm, cho phù hợp với đời sống và pháp luật trong từng giai đoạn cụ thể.

Như vậy, quan niệm về rủi ro có thể được bảo hiểm hoặc không thể được bảo hiểm là không cố định. Nhưng dù sao các tiêu chí nói trên vẫn là những cơ sở kỹ thuật, pháp lý nền móng cho việc soạn thảo điều khoản phạm vi bảo hiểm và điều khoản loại trừ trong hợp đồng bảo hiểm.

3. Cơ sở pháp lý của việc loại trừ trách nhiệm trả tiền bảo hiểm trong trường hợp người được bảo hiểm chết do bị thi hành án tử hình.

Trong hợp đồng bảo hiểm con người thì “*đối tượng bảo hiểm là tính mạng và sức khỏe của người được bảo hiểm*”.⁸ Tuy nhiên, không phải bất cứ khi nào người được bảo hiểm chết (thiệt hại tính mạng) đều được nhà bảo hiểm chi trả. Luật Kinh doanh bảo hiểm của Việt Nam có quy định về việc doanh nghiệp bảo hiểm không phải chi trả trong hợp đồng bảo hiểm con người tại Điều 39 như sau:

Điều 39. Các trường hợp không trả tiền bảo hiểm

1. Doanh nghiệp bảo hiểm không phải trả tiền bảo hiểm trong các trường hợp sau đây:

a) Người được bảo hiểm chết do tự tử trong thời hạn hai năm, kể từ ngày nộp khoản phí bảo hiểm đầu tiên hoặc kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm tiếp tục có hiệu lực;

b) Người được bảo hiểm chết hoặc bị thương tật vĩnh viễn do lỗi cố ý của bên mua bảo hiểm hoặc lỗi cố ý của người thụ hưởng;

c) Người được bảo hiểm chết do bị thi hành án tử hình.

2. Trong trường hợp một hoặc một số người thụ hưởng cố ý gây ra cái chết hay thương tật vĩnh viễn cho người được bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trả tiền bảo hiểm cho những người thụ hưởng khác theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.

3. Trong những trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp bảo hiểm phải trả cho bên mua bảo hiểm giá trị hoàn lại của hợp đồng bảo hiểm hoặc toàn bộ số phí bảo hiểm đã đóng sau khi đã trừ các chi phí hợp lý có liên quan; nếu bên mua bảo hiểm chết thì số tiền trả lại được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế.⁹

Tại điểm a, khoản 1 Điều này, Luật cho phép doanh nghiệp bảo hiểm không phải trả tiền bảo hiểm trong trường hợp người được bảo hiểm chết do tự tử trong thời hạn hai năm, kể từ khi hợp đồng có hiệu lực, hoặc kể từ ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất (có những hợp đồng đã bị mất hiệu lực và sau đó được khôi phục lại). Như vậy, nếu người

⁸ Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010) (61/2010/QH12), Điều 31.

⁹ Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010) (61/2010/QH12), Điều 39.

được bảo hiểm chết do tự tử ngoài thời hạn hai năm, kể từ khi hợp đồng có hiệu lực, hoặc tính từ ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, thì vẫn được bồi thường. Quy định này dựa trên quan niệm, với thời gian hai năm sẽ làm cho một người, có ý định tự tử trước đó, không còn ý định thực hiện việc này nữa. Nếu sau hai năm kể từ khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực hoặc được khôi phục hiệu lực, có sự kiện người được bảo hiểm chết do tự tử, thì cái chết này, được cho là không hề liên quan đến ý định tự tử từ trước thời điểm giao kết hoặc khôi phục hiệu lực hợp đồng bảo hiểm. Vì lẽ đó, hành động này được chấp nhận chi trả bảo hiểm. Nó được xem là hành động bộc phát, không liên quan đến việc lừa dối trong giao kết hợp đồng bảo hiểm. Cần lưu ý thêm rằng, người được bảo hiểm thực hiện hành vi tự tử thì phải dẫn đến cái chết của bản thân thì mới được bồi thường. Ngược lại, nếu hành động tự tử mà không gây ra cái chết, chỉ gây thương tật cho bản thân, thì dù trong bất kỳ thời hạn nào của hợp đồng bảo hiểm, cũng không được chi trả vì vi phạm quy định “*tự ý gây ra tổn thương cho bản thân*”¹⁰. Vậy, chúng ta đã thấy có sự khác biệt là pháp luật xem trường hợp tự tử mà người được bảo hiểm bị chết thì nên đối xử nhân đạo hơn trường hợp tự tử mà không chết.

Tại điểm c, khoản 1 Điều này, quy định là doanh nghiệp bảo hiểm không phải trả tiền bảo hiểm khi người được bảo hiểm chết do bị thi hành án tử hình. Hầu hết các hợp đồng bảo hiểm con người đều loại trừ trách nhiệm trả tiền bảo hiểm khi người được bảo hiểm tham gia thực hiện hành vi phạm tội. Việc một người bị thi hành án tử hình, thì trước đó, họ đã phạm tội đặc biệt nghiêm trọng được quy định trong Bộ luật Hình sự. Do đó, việc loại trừ trách nhiệm trả tiền bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm cho người thụ hưởng, trong trường hợp này, được hiểu là để ngăn chặn người được bảo hiểm cố ý thực hiện các hành vi phạm tội, để bị/được thi hành án tử hình, nhằm mục đích cho người thụ hưởng nhận được tiền bảo hiểm một cách bất hợp pháp.

Cũng có quan niệm cho rằng, ngoài việc ngăn chặn hành vi gian lận của người được bảo hiểm, Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định như vậy còn góp phần trừng phạt hành động phạm tội của người được bảo hiểm, tránh tình trạng Luật Kinh doanh bảo hiểm bỏ qua hành vi phạm tội của một con người, sẽ gây bất ổn cho xã hội.

4. Quan điểm của tác giả về việc loại trừ trách nhiệm trả tiền bảo hiểm khi người được bảo hiểm chết do bị thi hành án tử hình.

Để loại trừ tình trạng gian lận nhằm chiếm đoạt tiền bảo hiểm, pháp luật kinh doanh bảo hiểm cần phải có những quy định chặt chẽ. Đặc biệt, trong trường hợp người được bảo hiểm tham gia thực hiện hành vi phạm tội. Luật pháp của hầu hết các quốc gia đều quy định: nội dung hợp đồng bảo hiểm không được trái với pháp luật và trật tự công cộng (ở Việt Nam dùng cụm từ “đạo đức xã hội” thay cho cụm từ “trật tự công cộng”) là để doanh

¹⁰ Sản phẩm của các công ty bảo hiểm như Manulife, Baoviet Life và các công ty khác đều có quy định này.

ng nghiệp bảo hiểm được không ký hợp đồng để bảo hiểm cho hậu quả của hành vi phạm tội của một con người. Ví dụ: doanh nghiệp bảo hiểm và người được bảo hiểm không được ký hợp đồng để doanh nghiệp bảo hiểm nộp tiền phạt thay cho người được bảo hiểm, nếu người này thực hiện hành vi trộm cắp và bị bắt. Tuy nhiên, có những trường hợp, hành vi phạm tội của người được bảo hiểm diễn ra độc lập với việc ký hợp đồng bảo hiểm. Hành vi phạm tội diễn ra sau thời điểm ký hợp đồng bảo hiểm và hợp đồng bảo hiểm này không hề vi phạm quy định khi giao kết. Nó cũng được xem là hành động bộc phát tức thời (giống trường hợp tự tử). Vậy, nếu tất cả trường hợp này đều bị từ chối chi trả, có thể gây thiệt hại cho các chủ thể khác trong hợp đồng bảo hiểm, đặc biệt là người thụ hưởng bảo hiểm. Trong những trường hợp này, quan điểm của tác giả như sau:

Thứ nhất, đều là rủi ro phát sinh từ “nguy cơ tinh thần” nhưng sự kiện người được bảo hiểm chết do tự tử nếu thỏa mãn về điều kiện thời gian thì được chi trả tiền bảo hiểm. Trong khi sự kiện người được bảo hiểm chết do bị thi hành án tử hình thì lại bị từ chối. Nên chăng, đặt ra điều kiện về thời gian cho trường hợp người được bảo hiểm chết do bị thi hành án tử hình giống như trường hợp tự tử, và xem xét từng trường hợp cụ thể. Cần thiết chi trả cho những trường hợp hợp lý, để đảm bảo tính thống nhất và logic trong khoa học luật.¹¹

Trong thực tế, có những trường hợp người phạm tội tự tử trước khi bị thi hành án. Tức là, một người đã bị tuyên án tử hình nhưng trong thời gian chờ thi hành án, nếu người đó tự tử và chết thì doanh nghiệp bảo hiểm có phải chi trả tiền bảo hiểm hay không? Tác giả cho rằng phải chi trả (nếu thỏa mãn điều kiện về thời gian). Luật quy định không chi trả trong trường hợp chết do bị thi hành án tử hình, chứ không quy định loại trừ cho trường hợp chết trong thời gian chờ thi hành án tử hình. Do đó, cái chết này chắc chắn được chi trả tiền bảo hiểm. Ngoài ra, còn có các trường hợp: tự tử khi đang bị vây bắt; tự tử khi đang bị giam giữ chờ ngày ra Tòa. Việc một người nhận thức được hành vi phạm tội của bản thân, nếu bị bắt và kết án, chắc chắn sẽ bị tuyên án tử hình. Nên có thể người này sẽ tự tử khi đang bị vây bắt (điển hình là các vụ án buôn ma túy số lượng lớn) hoặc tìm cách tự tử khi chưa bị xét xử. Khi Tòa án chưa phán quyết bằng bản án, thì không ai bị xem là có tội, mặc dù đầy đủ chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của người đó. Vì lẽ đó, doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trả tiền cho người thụ hưởng.

Trong những trường hợp này, suy cho cùng, nguyên nhân dẫn đến cái chết của người được bảo hiểm (do tự tử hoặc bị thi hành án) đều xuất phát từ việc trước đó họ đã thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, nếu người được bảo hiểm chết do bị thi hành án tử hình, thì người thụ hưởng sẽ không được nhận tiền bảo hiểm. Nếu người được bảo hiểm tự tử trước

¹¹ Điểm a và điểm c Khoản 1, Điều 39 Luật kinh doanh bảo hiểm cần phải thống nhất với nhau.

khi thi hành án, thì người thụ hưởng lại nhận được tiền bảo hiểm. Việc này sẽ dẫn đến trường hợp người được bảo hiểm phạm tội, biết mình có thể bị tuyên án tử hình, chọn cách tự tử trước khi bị pháp luật trừng phạt, nhằm để lại tài sản cho người thụ hưởng.

Để tránh hiện tượng này, pháp luật nên xem xét: nếu người được bảo hiểm bắt đầu thực hiện hành vi phạm tội sau khi hợp đồng bảo hiểm đã có hiệu lực hai năm (hoặc tiếp tục có hiệu lực được hai năm) thì được xem là hành vi này không liên quan đến ý định gian lận, lừa dối khi ký hợp đồng bảo hiểm. Vì lẽ đó, pháp luật nên quy định việc trả tiền bảo hiểm giống trường hợp người được bảo hiểm chết do tự tử.

Thứ hai, đối với quan điểm Luật kinh doanh bảo hiểm quy định như vậy nhằm góp phần trừng phạt hành vi phạm tội của người được bảo hiểm. Tác giả cho rằng quan điểm này chưa đúng và không cần thiết. Trừng phạt một hành vi phạm tội của con người đã có Bộ luật Hình sự quy định. Luật Kinh doanh bảo hiểm ban hành nhằm điều chỉnh mối quan hệ giữa các bên trong giao dịch bảo hiểm. Một khi không có bên nào vi phạm nghĩa vụ khi thực hiện hợp đồng, bên còn lại không được quyền trừng phạt. Đặt trường hợp hành vi phạm tội của người được bảo hiểm không liên quan đến mục đích nhằm bị/được tử hình, để người thụ hưởng nhận tiền, thì chúng ta sẽ thấy họ không hề vi phạm gì trong hợp đồng bảo hiểm, bởi vì:

- Bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm không hề lừa dối khi ký hợp đồng bảo hiểm, do đó hợp đồng không thể bị vô hiệu theo Điều 22 Luật Kinh doanh bảo hiểm.¹²
- Bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm không hề vi phạm bất cứ điều khoản hay quy định nào của hợp đồng bảo hiểm, dẫn đến việc bị doanh nghiệp bảo hiểm dùng quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng theo Điều 19 Luật Kinh doanh bảo hiểm.¹³
- Cái chết là do bị Tòa tuyên án, hoàn toàn nằm ngoài ý muốn của người được bảo hiểm.

Vậy, chi trả tiền bảo hiểm cho trường hợp này là hợp lý và việc này cũng không hề làm gia tăng tội phạm. Rất hiếm người chọn phương pháp để lại tài sản cho gia đình bằng cách bản thân phạm tội để bị/được tử hình.

Thứ ba, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đã thay đổi rất nhiều về những tội danh bị tuyên án tử hình so với Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Đã bỏ án tử hình cho rất nhiều tội danh,¹⁴ đặc biệt là nhóm tội phạm về

¹² Điều 22 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010), quy định hợp đồng bảo hiểm vô hiệu khi “Bên mua bảo hiểm hoặc doanh nghiệp bảo hiểm có hành vi lừa dối khi giao kết hợp đồng bảo hiểm”

¹³ Điều 19 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010), quy định nếu bên mua bảo hiểm không thực hiện nghĩa vụ cung cấp thông tin thì doanh nghiệp bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng.

¹⁴ Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã loại bỏ hình phạt tử hình đối với 07 tội danh, đó là: Tội cướp tài sản (Điều 168); Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực

kinh tế, đây là nhóm đối tượng mà hành vi phạm tội thường bắt đầu rất lâu mới bị phát hiện. Tức là cũng loại trừ được trường hợp phạm tội trước rồi sau đó mua bảo hiểm. Vậy, số người mua bảo hiểm rồi bị tử hình cũng sẽ rất ít.

Thứ tư, số tiền bảo hiểm không được chi trả sẽ ảnh hưởng đến các chủ thể khác trong hợp đồng bảo hiểm. Phí bảo hiểm thường rất nhỏ so với số tiền bảo hiểm, nên nếu sự kiện người được bảo hiểm chết do bị thi hành án tử hình xảy ra, bên mua bảo hiểm bị doanh nghiệp trả lại phí bảo hiểm sau khi trừ đi chi phí hợp lý (hoặc trả giá trị hoàn lại) thì sẽ rất chênh lệch so với số tiền bảo hiểm nhận được. Số tiền bảo hiểm được chi trả sẽ giải quyết được hậu quả của những trường hợp sau:

Trường hợp một: người thụ hưởng bảo hiểm là những tổ chức có quyền lợi tài chính liên quan.

Thông thường, các tổ chức này là các ngân hàng, các công ty tài chính tiêu dùng, gọi chung là các tổ chức tín dụng. Khi một cá nhân vay một khoản vay không có tài sản thế chấp tại một tổ chức tín dụng, để đảm bảo quyền lợi của mình, các tổ chức tín dụng này sẽ yêu cầu bên vay phải mua một hợp đồng bảo hiểm tín dụng cá nhân (cũng là một dạng bảo hiểm con người) có thời hạn bảo hiểm bằng với thời hạn vay.¹⁵ Trong trường hợp nếu người vay (bây giờ cũng đồng thời là người được bảo hiểm) bị tử vong hay thương tật toàn bộ vĩnh viễn thì doanh nghiệp bảo hiểm sẽ trả tiền cho tổ chức tín dụng, với vai trò là người thụ hưởng thứ nhất. Sau khi tổ chức tín dụng thu đủ khoản dư nợ, số tiền còn lại mới được chi trả cho các người thụ hưởng tiếp theo trong hợp đồng bảo hiểm. Đây được xem là một trong những biện pháp đảm bảo thu hồi nợ của các tổ chức tín dụng, tránh được rủi ro người vay tử vong hay thương tật toàn bộ vĩnh viễn không còn làm ra tiền để trả nợ. Vậy, nếu luật quy định rằng doanh nghiệp bảo hiểm không phải trả tiền trong trường hợp người được bảo hiểm chết do bị thi hành án tử hình, sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi người thụ hưởng là các tổ chức tín dụng này.

Trường hợp hai: người thụ hưởng bảo hiểm là trẻ em và là thân nhân của người được bảo hiểm, cần được nuôi dưỡng cấp dưỡng.

Mặc dù người được bảo hiểm phạm tội dẫn đến việc bị tử hình thì quyền được nuôi dưỡng, cấp dưỡng của người thụ hưởng vẫn phải được pháp luật công nhận và bảo vệ. Việc người được bảo hiểm bị chết do bị thi hành án tử hình đã làm mất đi người nuôi dưỡng, cấp dưỡng của người thụ hưởng. Nếu pháp luật quy định doanh nghiệp bảo hiểm không phải trả tiền bảo hiểm thì quyền và lợi ích của người thụ hưởng sẽ bị mất. Không đúng với

phẩm (Điều 193); Tội tàng trữ trái phép chất ma túy (Điều 249), Tội chiếm đoạt trái phép chất ma túy (Điều 252); Tội phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia (Điều 303); Tội chống mệnh lệnh (Điều 394) và Tội đầu hàng địch (Điều 399).

¹⁵ Xem thêm “Quy tắc và điều khoản hợp đồng bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân” của công ty bảo hiểm nhân thọ FWD đã được BTC phê chuẩn theo công văn 11591/BTC-QLBH ngày 31/8/2017.

tinh thần của Luật Trẻ em năm 2016 là “*Trẻ em có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng để phát triển toàn diện*”.¹⁶ và “*Trẻ em có quyền sở hữu, thừa kế và các quyền khác đối với tài sản theo quy định của pháp luật*”¹⁷

Trường hợp ba: trong một vụ án hình sự thì người phạm tội ngoài việc phải chịu sự trừng phạt của pháp luật hình sự thì còn có trách nhiệm dân sự với bên bị hại trong vụ án.

Nếu doanh nghiệp bảo hiểm chi trả số tiền bảo hiểm, Tòa có thể sẽ có quyền tuyên dùng một phần hay toàn bộ số tiền đó để thi hành phân trách nhiệm dân sự của vụ án. Chúng ta thấy rằng, một người có thể có những tài sản hình thành trong tương lai. Những tài sản đó không hề bị mất đi nếu người sở hữu hay những người liên quan bị chết do thi hành án tử hình. Vì lẽ đó, số tiền bảo hiểm sinh mạng của người được bảo hiểm, được xem là một tài sản hình thành trong tương lai của họ, cũng không thể bị mất đi khi người này chết do bị thi hành án tử hình.

5. Kiến nghị sửa đổi pháp luật

Để đảm bảo tính thống nhất trong Điều luật, đồng thời để Luật Kinh doanh bảo hiểm có cùng quan điểm pháp lý với những Luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Tác giả kiến nghị: điểm c, Khoản 1 Điều 39 Luật kinh doanh bảo hiểm nên sửa như sau:

Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không phải trả tiền bảo hiểm trong trường hợp người được bảo hiểm chết do bị thi hành án tử hình mà hành vi phạm tội bắt đầu: trước khi giao kết hợp đồng; trong thời hạn hai năm, kể từ ngày nộp khoản phí bảo hiểm đầu tiên hoặc kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm tiếp tục có hiệu lực.

Tác giả cho rằng, việc sửa đổi pháp luật theo hướng đã được đề nghị ở trên là hợp lý. Bởi vì, ngành bảo hiểm cũng là một ngành quan trọng mà Việt Nam cần phát triển mạnh trong tương lai. Vì vậy, pháp luật về kinh doanh bảo hiểm cũng phải đặt trong môi trường pháp luật chung của từng giai đoạn phát triển của đất nước. Có như vậy, hệ thống luật pháp quốc gia mới không chông chéo và mâu thuẫn. Tạo sự thống nhất nhằm phát triển ngành bảo hiểm nói riêng và nền kinh tế nói chung.

6. Kết luận

Trên đây là những quan điểm và kiến nghị của tác giả nhằm giúp cho việc thực thi pháp luật trong kinh doanh bảo hiểm được dễ dàng hơn. “*Bởi lẽ, khi pháp luật hoàn thiện thì mới bảo vệ tốt quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia quan hệ bảo hiểm*”.¹⁸ Qua đó, thúc đẩy thị trường bảo hiểm phát triển mạnh mẽ hơn, minh bạch hơn và phát huy vai trò đối với nền kinh tế tốt hơn.

¹⁶ Luật Trẻ em năm 2016 (102/2016/QH13), ngày 05/04/2016, Điều 15.

¹⁷ Luật Trẻ em năm 2016 (102/2016/QH13), ngày 05/04/2016, Điều 20.

¹⁸ Phan Phương Nam (2016), *Một số vấn đề pháp luật điều chỉnh vào hoạt động bảo hiểm của Việt Nam trong quá trình thực hiện các nội dung cam kết trong TPP*, bài tham luận tại hội thảo “*Gia nhập AEC, TPP: Cơ hội và thách thức cho thị trường bảo hiểm Việt Nam.*”

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội, *Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10*, ngày 09/12/2000, Hà Nội.
2. Quốc hội, *Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật kinh doanh bảo hiểm số 61/2010/QH12*, ngày 24/11/2010, Hà Nội.
3. Quốc hội, *Bộ luật hình sự 2015, số 100/2015/QH13*, ngày 27/11/2015, Hà Nội;
4. Quốc hội, *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, số 12/2017/QH14*, ngày 20/6/2017, Hà Nội.
5. Quốc hội, *Luật trẻ em số 102/2016/QH13*, ngày 05/04/2016, Hà Nội.
6. Học viện tài chính (2005), *Giáo trình lý thuyết bảo hiểm*, Nxb Tài chính, Hà Nội.
7. Nguyễn Tiến Hùng (2007), *Nguyên lý và Thực hành bảo hiểm*, Nxb tài chính, Hà Nội.
8. David Bland (1993), *Insurance Principles and Practice*, Nxb Tài chính, Hà Nội;
9. Trần Minh Hiệp, *Bất cập trong quy định của pháp luật điều chỉnh hợp đồng bảo hiểm nhân thọ*, bài viết đăng trên tạp chí lập pháp tại địa chỉ <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210634>, truy cập ngày 1/10/2021.
10. Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam, *Tổng quan thị trường bảo hiểm năm 2021*, <https://www.iav.vn/tieu-diem-thang/153948-tong-quan-thi-truong-bao-hiem-viet-nam-nam-2021>, truy cập ngày 21/2/2022.
11. Nguyễn Thị Thủy (2020), *Pháp luật hợp đồng bảo hiểm con người*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
12. Phan Phương Nam (2016), *Một số vấn đề pháp luật điều chỉnh vào hoạt động bảo hiểm của Việt Nam trong quá trình thực hiện các nội dung cam kết trong TPP*, bài tham luận tại hội thảo “Gia nhập AEC, TPP: Cơ hội và thách thức cho thị trường bảo hiểm Việt Nam.